TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2024/KDTM-ST
Ngày: 27-09-2024
V/v Hợp đồng cho thuê tài chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá Duy Phương

2. Bà Nguyễn Thị Xuyến

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Ngọc Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh:*** Bà Lê Thị Tuyết Sương - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2023/TLST-KDTM ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2024/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 302/2024/QĐST-KDTM ngày 11 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Q; địa chỉ: Tầng R, cao ốc S, đường T, Phường B, Quận A, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Tuấn V, đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 673.2023/GUQ-COL ngày 04/12/2023).

Bị đơn: Công ty cổ phần Phát triển thể thao G; địa chỉ: đường T, Phường V, Quận C, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp là ông Cao Việt A, đại diện theo pháp luật

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Cao Ngọc Ánh V, sinh năm 1999; địa chỉ: đường L, Phường V, Quận C, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp là ông Cao Việt A, đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 21/12/2023).

2. Ông Cao Việt A, sinh năm 1971; địa chỉ: đường L, Phường V, Quận C, Thành phố H.

3. Ông Phạm Hữu T, sinh năm 1968; địa chỉ thường trú: đường N, Phường C, quận G, Thành phố H (Tạm trú: đường N, Phường D, quận G, Thành phố H.

4. Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp là ông Cao Việt A, đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 25/01/2024).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 27/9/2023, Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Q trình bày:

Công ty cổ phần Phát triển thể thao G (Sau đây gọi tắt là Công ty G) có nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đề nghị Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Q (Sau đây gọi tắt là Công ty C) tài trợ tài chính nên vào ngày 26/05/2022 hai bên đã ký Hợp đồng cho thuê tài chính số G220514002 (sau đây gọi tắt là "Hợp đồng thuê"). Theo đó, tài sản mà Công ty G có nhu cầu thuê tài chính theo bảng đính kèm trong đơn khởi kiện.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán, ngày 26/05/2022 Công ty C có chấp nhận Thư bảo lãnh cá nhân của bà Cao Ngọc Ánh V, ông Phạm Hữu T, bà Nguyễn Kim T, và ngày 26/07/2023 Công ty C có chấp nhận Thư bảo lãnh cá nhân của ông A. Theo đó, trường hợp Công ty G không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo các Hợp đồng thuê thì các cá nhân bảo lãnh cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho Công ty G.

Ngày 26/05/2022, Công ty C ký Hợp đồng mua bán số G220514002-PC với Công ty cổ phần Sportsland để mua tài sản thuê và cho Công ty G thuê lại. Ngày 03/06/2022, Công ty G đã ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản để xác nhận về việc đã nhận bàn giao tài sản.

Tổng giá trị của tài sản thuê là 2.396.324.000 đồng. Trong đó, Công ty G trả trước 1.198.162.000 đồng ("Tiền trả trước"), Công ty C tài trợ vốn là 1.198.162.000 đồng, thời hạn thuê của Hợp đồng thuê là 36 tháng, kể từ ngày 03/06/2022 đến ngày 25/05/2025. Lãi suất thuê là lãi suất cố định 14,90%/năm.

Hằng tháng, Công ty G phải thanh toán cho Công ty C tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà Công ty C đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê.

Trước khi Công ty G trả hết toàn bộ vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty C vẫn là chủ sở hữu của tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu, v.v. đối với tài sản thuê. Căn cứ quy định pháp luật và Điều 26 của Hợp đồng thuê, nếu Công ty G vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty C đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi Tài sản thuê và yêu cầu Công ty G bồi thường thiệt hại.

Quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, Công ty G thường xuyên thanh toán không đúng hạn, mặc dù Công ty C đã nhiều lần liên lạc cũng như làm việc trực tiếp với Công ty G để yêu cầu thanh toán.

Công ty G đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê nên vào ngày 11/08/2023, Công ty C đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê, yêu cầu Công ty G thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 14/08/2023 (ngày chính thức chấm dứt Hợp đồng thuê) là 1.034.268.581 đồng. Cho đến nay, Công ty G không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào và cũng không bàn giao tài sản thuê cho Công ty C.

Ngày 23/08/2023, Công ty C phát hành Thư yêu cầu thanh toán về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán tiền thuê để yêu cầu bà Cao Ngọc Ánh V, ông Phạm Hữu T, bà Nguyễn Kim T và ông A thanh toán theo nội dung Thư bảo lãnh cá nhân đã ký nhưng đến nay bà Cao Ngọc Ánh V, ông Phạm Hữu T, bà Nguyễn Kim T và ông A vẫn chưa thanh toán số tiền mà Công ty G còn nợ Công ty C.

Theo đơn khởi kiện Công ty C yêu cầu:

- Công ty G phải thanh toán cho Công ty C số tiền thuê mà Công ty G còn nợ là 1.008.995.259 đồng, bao gồm: Nợ gốc là 682.000.199 đồng, lãi tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê (14/08/2023) là 212.268.382 đồng, nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 14/08/2023 đến ngày 27/09/2024 là 114.726.678 đồng.

- Công ty G còn phải thanh toán cho Công ty C tiền lãi chậm thanh toán phát sinh sau ngày 27/09/2024 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quy định tại Hợp đồng thuê.

- Trường hợp Công ty G không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên, buộc Công ty G giao trả tài sản thuê cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Q thu hồi và xử lí nợ đối với các tài sản liệt kê:

Bảng kê tài sản thuê

Số TT	Tên tài sản	Số lượng (bộ)
1	Máy chạy bộ cơ Kaesun SPT64CK1 - Model: SPT64CK1	01
2	Máy chạy bộ Kaesun T700Si - Model: RMT700SI	02
3	Máy chạy bộ Kaesun T710A - Model: RMT710A	01
4	Máy trượt tuyết Kaesun E500S - Model: E500S	02
5	Máy tập chèo thuyền Kaesun FCCB-01BL - Model: FCCB-01BL	01
6	Máy đo chỉ số cơ thể INBODY270	01
7	Dàn đa năng 5 mặt - Model: IT9327+IT9325+IT9327OPT	01
8	Máy ngồi đẩy ngực Kaesun PRT401 - Model: PRT 401	01
9	Máy đẩy ngực trên Kaesun PRT702 - Model: PRT 702	01
10	Máy đẩy vai Kaesun PRT703 - Model: PRT 703	01
11	Máy tập đa năng Kaesun PRT706 - Model: PRT 706	01
12	Máy tập mông và eo Kaesun TPPL205 - Model: PRT 805	01
13	Máy gánh tạ đa năng Kaesun PT600 - Model: PT 600	01
14	Xe đạp ngồi tựa lưng Kaesun R500S - Model: CYC-R500S	01
15	Máy chạy bộ Kaesun T700Ti - Model: RMT700TI	01
16	Máy tập đùi Kaesun TP 102 -A - Model: TP 102-A	01
17	Máy tập chân trong ngoài Kaesun TP106 - Model: TP 106	01
18	Máy ngồi tập đùi trước Kaesun TP202 - Model: TP 202	01
19	Máy nằm cuốn đùi sau Kaesun TP203 - Model: TP 203	01

20	Máy xoay eo bụng Kaesun TP204 - Model: TP 204	01
21	Máy tập bụng Kaesun TP205 - Model: TP 205	01
22	Máy ép ngực Kaesun TP302 - A - Model: TP 302 - A	01
23	Máy tập tay trước Kaesun TP304 - Model: TP 304	01
24	Máy hít xà đơn trợ lực Kaesun TP306 - Model: TP 306	01
25	Máy đẩy vai Kaesun TP504 - Model: TP 504	01
26	Khung gánh tạ Kaesun TP601 - Model: TP 601	01
27	Máy đạp đùi nghiêng Kaesun TP602 - Model: TP 602	01

- Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản cho thuê tài chính vẫn không đủ thanh toán tiền thuê, Công ty G có nghĩa vụ thanh toán tiếp số tiền còn thiếu cho Công ty C.

- Trường hợp Công ty G không thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên thì những người bảo lãnh có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty C cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ.

Đại diện của Công ty G, ông A trình bày:

Xác nhận có ký kết hợp đồng cho thuê tài chính như nguyên đơn trình bày. Ngày 03/6/2022, Công ty C giải ngân số tiền 958.529.600 đồng và giữ lại 239.632.400 đồng là tiền ký cược.. Về số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 25/3/2024, bị đơn chưa tính toán được con số chính xác nên chưa trình bày ý kiến.

Do tình hình kinh doanh khó khăn nên chưa thanh toán cho nguyên đơn và yêu cầu có thời gian thanh toán. Khi bị đơn thanh toán xong, yêu cầu nguyên đơn trả lại số tiền ký cược là 239.632.400 đồng. Trường hợp không thanh toán được nợ, bị đơn đồng ý giao tài sản thuê như nguyên đơn trình bày theo đơn khởi kiện cho nguyên đơn để thu hồi nợ. Trường hợp xử lý tài sản thuê không đủ trả nợ người bảo lãnh là bà Cao Ngọc Ánh V, ông Phạm Hữu T, bà Nguyễn Kim T và ông A có trách nhiệm liên đới thanh toán cho nguyên đơn cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu bị đơn có trụ sở tại Quận 3 thanh toán tiền nợ theo hợp đồng cho thuê tài chính, nên đây là vụ án Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3 quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Hữu T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp thì giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng cho thuê tài chính số G220514002 ngày 26/5/2022. Theo đó, nguyên đơn cho bị đơn thuê tài sản (bảng kê tài sản thuê), với giá trị là 2.396.324.000 đồng, bị đơn trả trước số tiền 1.198.162.000 đồng, nguyên đơn cấp vốn là 1.198.162.000 đồng (Giá trị thuê); thời hạn thuê là 36 tháng, kể từ ngày 03/06/2022 đến ngày 25/05/2025; lãi suất thuê là lãi suất cố định 14,90%/năm. Đôi bên đã thực hiện bàn giao tài sản theo Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản vào ngày 03/6/2022.

[3.2] Tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận vi phạm nghĩa vụ trả tiền thuê tài sản theo quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê nên vào ngày 14/08/2023 Công ty C đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê. Điều 26 của Hợp đồng thuê quy định, nếu Công ty G vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty C đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi tài sản thuê và yêu cầu Công ty G bồi thường thiệt hại. Do đó, việc nguyên đơn chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính với bị đơn trước hạn,

buộc thanh toán tiền thuê còn thiếu, lãi và lãi quá hạn, tổng cộng là 1.008.995.259 đồng là phù hợp nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và các điều 21 và 22 Nghị định 39/2014/NĐ-CP ngày 07/05/2014.

[3.3] Nguyên đơn và bị đơn thống nhất số tiền mà bị đơn còn phải trả sau khi cấn trừ số tiền ký cược là 239.632.400 đồng nên bị đơn chỉ còn phải trả cho nguyên đơn số tiền là 769.362.859 đồng.

[3.4] Về yêu cầu thu hồi tài sản cho thuê, ngày 03/6/2022 nguyên đơn và bi đơn ký bàn giao tài sản thuê là các thiết bị máy móc đã được liệt kê theo "Bảng kê tài sản thuê". Bị đơn xác nhận trường hợp không thanh toán nợ cho nguyên đơn đầy đủ thì bị đơn đồng ý giao tài sản thuê cho nguyên đơn để thu hồi nợ. Điều 26 của Hợp đồng thuê và khoản 1 Điều 22 Nghị định 39/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định, khi hợp đồng thuê chấm dứt trước hạn thì bên cho thuê có quyền thu hồi tài sản thuê để thực hiện việc thanh toán, bên thuê phải dừng ngay việc sử dụng và trao trả tài sản cho thuê cho bên cho thuê theo yêu cầu của bên cho thuê. Trường hợp, tài sản thuê không đủ thanh toán thì bên thuê phải tiếp tục thanh toán cho bên cho thuê cho đến khi thanh toán xong. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn bàn giao tài sản thuê (theo bảng kê tài sản thuê và biên bản thẩm định tại chỗ ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân Quận 3) hạn chót là ngày 31/12/2024 để xử lý trả nợ tiền thuê là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.5] Về yêu cầu buộc bên bảo lãnh có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty C cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ, theo lời trình bày của các đương sự các Thư bảo lãnh cá nhân của bà Cao Ngọc Ánh V, bà Nguyễn Kim T, ông Phạm Hữu T cùng ngày 26/5/2022 và Thư bảo lãnh cá nhân của ông A ngày 26/7/2023 thể hiện trường hợp bên thuê là Công ty G không thể thực hiện bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào theo Hợp đồng thuê thì bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ này cho bên cho thuê là Công ty C. Vì vậy, căn cứ Điều 338, 342 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc những người có quyền, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, lãi và lãi chậm thanh toán trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ đối với nguyên đơn và số tiền xử lý tài sản thuê không đủ thực hiện nghĩa vụ của bị đơn.

[4] Bị đơn còn phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng theo Phiếu thu ngày 22/7/2024 của Tòa án nhân dân Quận 3 quy định tại Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự để hoàn trả lại cho nguyên đơn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí (769.362.859 đồng - 400.000.000 đồng) × 4% + 20.000.000 đồng = 34.774.514 đồng theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điều 21 và 22 Nghị định 39/2014/NĐ-CP ngày 07/05/2014 của Chính phủ về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính; các điều 338 và 342 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty Cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q.

2. Công ty cổ phần Phát triển thể thao G phải trả cho Công ty Cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q nợ gốc, lãi và lãi chậm thanh toán, tổng cộng là 769.362.859 (Bảy trăm sáu mươi chín triệu ba trăm sáu mươi hai ngàn tám trăm năm mươi chín) đồng làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Kể từ ngày 28/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho thuê tài chính số G220514002 ngày 26/5/2022.

4. Trường hợp Công ty cổ phần Phát triển thể thao G không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên, Công ty cổ phần Phát triển thể thao G phải bàn giao tài sản thuê theo "Bảng kê tài sản thuê" (đính kèm theo bản án này) cho Công ty Cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quốc tế C để xử lí nợ, hạn chót là ngày 31 tháng 12 năm 2024.

5. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản cho thuê không đủ thực hiện nghĩa vụ thì Công ty cổ phần Phát triển thể thao G có nghĩa vụ thanh toán tiếp số tiền còn thiếu cho Công ty Cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q.

6. Trường hợp Công ty cổ phần Phát triển thể thao G không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ và số tiền xử lý tài sản thuê không đủ thực hiện nghĩa vụ của Công ty cổ phần Phát triển thể thao G thì những người bảo lãnh là bà Cao Ngọc Ánh V, ông Phạm Hữu T, bà Nguyễn Kim T và ông A có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q toàn bộ nghĩa vụ còn phải thi hành.

7. Công ty cổ phần Phát triển thể thao G phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ là 3.000.000 (ba triệu) đồng để trả lại cho Công ty Cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q.

8. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty cổ phần Phát triển thể thao G chịu là 34.774.514 đồng; hoàn tạm ứng án phí cho Công ty Cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q số tiền 21.662.399 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 00022239 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

10. Quyền kháng cáo: Công ty Cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q, Công ty cổ phần phát triển thể thao G, ông A, bà Cao Ngọc Ánh V, bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Phạm Hữu T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

11. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đăng Tân

BẢNG KÊ TÀI SẢN THUÊ

(Đính kèm theo Bản án số /2024KDTM-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân Quận, Thành phố Hồ Chí Minh)

Số TT	Tên tài sản	Số lượng (bộ)
1	Máy chạy bộ cơ Kaesun SPT64CK1 - Model: SPT64CK1	01
2	Máy chạy bộ Kaesun T700Si - Model: RMT700SI	02
3	Máy chạy bộ Kaesun T710A - Model: RMT710A	01
4	Máy trượt tuyết Kaesun E500S - Model: E500S	02
5	Máy tập chèo thuyền Kaesun FCCB-01BL - Model: FCCB-01BL	01
6	Máy đo chỉ số cơ thể INBODY270	01
7	Dàn đa năng 5 mặt - Model: IT9327+IT9325+IT9327OPT	01
8	Máy ngồi đẩy ngực Kaesun PRT401 - Model: PRT 401	01
9	Máy đẩy ngực trên Kaesun PRT702 - Model: PRT 702	01
10	Máy đẩy vai Kaesun PRT703 - Model: PRT 703	01
11	Máy tập đa năng Kaesun PRT706 - Model: PRT 706	01
12	Máy tập mông và eo Kaesun TPPL205 - Model: PRT 805	01
13	Máy gánh tạ đa năng Kaesun PT600 - Model: PT 600	01
14	Xe đạp ngồi tựa lưng Kaesun R500S - Model: CYC-R500S	01
15	Máy chạy bộ Kaesun T700Ti - Model: RMT700TI	01
16	Máy tập đùi Kaesun TP 102 -A - Model: TP 102-A	01
17	Máy tập chân trong ngoài Kaesun TP106 - Model: TP 106	01

18	Máy ngồi tập đùi trước Kaesun TP202 - Model: TP 202	01
19	Máy nằm cuốn đùi sau Kaesun TP203 - Model: TP 203	01
20	Máy xoay eo bụng Kaesun TP204 - Model: TP 204	01
21	Máy tập bụng Kaesun TP205 - Model: TP 205	01
22	Máy ép ngực Kaesun TP302 - A - Model: TP 302 - A	01
23	Máy tập tay trước Kaesun TP304 - Model: TP 304	01
24	Máy hít xà đơn trợ lực Kaesun TP306 - Model: TP 306	01
25	Máy đẩy vai Kaesun TP504 - Model: TP 504	01
26	Khung gánh tạ Kaesun TP601 - Model: TP 601	01
27	Máy đạp đùi nghiêng Kaesun TP602 - Model: TP 602	01